TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HN-ST
Ngày: 22- 01 - 2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị M.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Tân D.**

   Nơi công tác: Phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện A.

2. Ông **Ngô Văn U.**

   Nơi công tác: Liên đoàn lao động huyện A..

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Th.** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp*"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc H.** - Sinh năm: 1988 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân P., xã Phú Th1., huyện A, tỉnh B

2. Bị đơn: **Bùi Hoàng T.** - Sinh năm: 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân P., xã Phú Th1., huyện A, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H. trình bày:**

Chị H. và anh T. kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Th1, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị H. và anh T. chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài đến đầu năm 2016 thì trầm trọng nên vợ chồng

sống ly thân cho đến nay. Nay chị H. xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh Tính.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Hoàng Tr., sinh ngày 29/4/2009; Bùi Nguyễn Như T1, sinh ngày 13/9/2014. Hiện hai con đang do chị H. nuôi, nhưng cháu Tr. tối về ngủ với anh T.. Ly hôn, chị H. yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Bùi Hoàng T. trình bày:**

Anh T.và chị H. kết hôn với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn như chị H. trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên sống ly thân cho đến nay. Nay anh Tính xác định còn tình cảm với chị H., nên không đồng ý ly hôn, tha thiết yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho hai con.

Về con chung: Có 02 con chung như chị H. trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh T.yêu cầu nuôi cháu Triều, để chị H. nuôi cháu T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như lời trình bày của chị H., không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Hà và anh Tính kết hôn với nhau vào năm 2009. Đến ngày 14/7/2009 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Th., huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị Hà và anh Tính là hợp pháp.

Chị H. và anh T. cùng trình bày thống nhất nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và mâu thuẫn về kinh tế, nên vợ chồng hay cự cãi nhau. Qua xem xét nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của chị H. và anh T., Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị thực tế có phát sinh mâu thuẫn, anh chị không giải quyết được mâu thuẫn mà dẫn đến sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu, nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, theo xác nhận của Trưởng ấp Tân P. nơi chị H. và anh T. chung sống thì tình trạng hôn nhân của anh chị như chị Hà trình bày là đúng sự thật. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H. là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Hoàng Tr., sinh ngày 29/4/2009; Bùi Nguyễn Như T1, sinh ngày 13/9/2014. Ly hôn, chị H. yêu cầu nuôi cả hai con. Anh T. có yêu cầu được nuôi cháu Triều, để chị H. nuôi cháu T.. Xét thấy thực tế chị H. là người trực tiếp chăm sóc cả hai con chung, đồng thời cháu Tr. cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H.. Giao hai cháu Tr. và T1 cho chị H. trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H. không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con, anh T. cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H. và anh T, đều không yêu cầu Tòa giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị H. phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T. không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H. và anh Bùi Hoàng T..

2. Về nuôi con chung:

- Giao hai con chung tên Bùi Hoàng Tr., sinh ngày 29/4/2009; Bùi Nguyễn Như T1., sinh ngày 13/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H.trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh T. không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh T. được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí:

Chị H. phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48692 ngày 14/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Anh T. không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị M.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Th.;
- Lưu: HS, AV